

Chương III

LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Dự toán ngân sách nhà nước là bản kế hoạch thu, tài chính của Nhà nước trong một thời gian nhất định (thường là một năm).

Lập dự toán ngân sách nhà nước là quá trình phân tích đánh giá giữa khả năng và nhu cầu nguồn tài chính của Nhà nước, từ đó xác lập các chỉ tiêu thu, chi, dự trữ ngân sách một cách đúng đắn, có khoa học và căn cứ thực tiễn. Đồng thời trên cơ sở đó xác lập những biện pháp về mặt kinh tế - xã hội, tổ chức để thực hiện các chỉ tiêu đã đề ra.

1. Ý nghĩa của việc lập dự toán ngân sách nhà nước

Lập dự toán là công việc khởi đầu có ý nghĩa quan trọng đến toàn bộ các khâu của chu trình quản lý ngân sách nhà nước. Lập dự toán thực chất là lập kế hoạch các khoản thu chi của ngân sách trong năm ngân sách. Lập dự toán có ý nghĩa quan trọng trên các mặt sau:

- Ngân sách là một tấm gương tài chính phản ánh lựa chọn các chính sách Nhà nước. Vì vậy, cần có cơ chế cho việc hình thành chính sách hữu hiệu và đảm bảo mối quan hệ vững chắc giữa chính sách và ngân sách rất quan trọng.

- Thông qua việc lập dự toán ngân sách mà thẩm tra, tính toán một cách chặt chẽ, kỹ lưỡng khả năng và nhu cầu về kinh tế - xã hội, tài chính, tiền tệ. Từ đó phát huy được các ưu thế, thuận lợi, hạn chế đến mức thấp nhất những khó khăn, trở ngại trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

- Đây là khâu mở đầu của một chu trình ngân sách, nó đặt cơ sở nền tảng cho các khâu tiếp theo. Vì vậy, nếu khâu lập ngân sách được thực hiện chính xác có cơ sở khoa học, hợp thời gian... sẽ tạo điều kiện thuận lợi rất lớn cho các khâu tiếp theo, đặc biệt là khâu chấp hành ngân sách.

Quá trình lập ngân sách nhằm các mục tiêu:

Trên cơ sở nguồn lực có thể huy động của Nhà nước là có hạn cần đảm bảo rằng ngân sách đảm bảo việc thực hiện các chính sách xã hội.

Phân bổ nguồn lực phù hợp với chính sách ưu tiên của Nhà nước trong từng thời kỳ

Tạo điều kiện cho việc quản lý thu, chi trong khâu thực hiện cũng như việc đánh giá quyết toán ngân sách được hữu hiệu.

2. Yêu cầu và căn cứ lập dự toán.

2.1. Yêu cầu

Dự toán ngân sách nhà nước và dự toán ngân sách các cấp chính quyền phải tổng hợp theo từng lĩnh vực thu, chi và theo cơ cấu giữa chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển, chi trả nợ; khi lập dự toán ngân sách Nhà nước phải bảo đảm tổng số thu thuế và phí, lệ phí phải lớn hơn chi thường xuyên; bội chi phải nhỏ hơn chi đầu tư phát triển.

Lập dự toán phải đảm bảo quán triệt đầy đủ, đúng đắn các quan điểm chính sách tài chính quốc gia trong từng thời kỳ

Lập dự toán phải tuân thủ quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Dự toán ngân sách của các đơn vị phải lập theo đúng nội dung, biểu mẫu, thời hạn kèm theo báo cáo thuyết minh rõ ràng, cơ sở căn cứ tính toán.

Việc lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước phải căn cứ vào mức tăng trưởng kinh tế và các quy định của pháp luật về thu, chi ngân sách như: chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi. Đối với chi đầu tư và phát triển phải ưu tiên bố trí đủ vốn phù hợp với tiến độ triển khai của các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định và đang thực hiện dở dang; bố trí chi trả đủ các khoản nợ cả gốc và lãi.

Việc lập dự toán vay bù đắp thiếu hụt ngân sách trung ương phải căn cứ vào cân đối ngân sách, khả năng từng nguồn vay, khả năng trả nợ, mức không chế bội chi ngân sách theo nghị quyết quốc hội.

Đối với dự toán của ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã phải đảm bảo cân đối giữa thu và chi.

Việc lập dự toán chi đầu tư phát triển phải căn cứ vào những dự án đầu tư có đủ các điều kiện bố trí vốn theo quy định về quy chế quản lý vốn đầu tư xây dựng và phù hợp với kế hoạch tài chính 5 năm, khả năng ngân sách hàng năm; đồng thời ưu tiên bố trí đủ vốn phù hợp với tiến độ triển khai của các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định và đang thực hiện dở dang.

Việc lập dự toán chi thường xuyên, phải tuân theo các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Việc lập dự toán ngân sách của các cơ quan hành chính thực hiện chế độ khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính và các đơn vị sự nghiệp có thu, thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ;

2.2. Căn cứ

Để dự toán ngân sách thực sự trở thành công cụ hữu ích trong điều hành ngân sách, lập dự toán ngân sách nhà nước phải căn cứ vào các nhân tố chủ yếu sau:

Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng – an ninh; chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của năm kế hoạch và những chỉ tiêu phản ánh quy mô nhiệm vụ, đặc điểm hoạt động, điều kiện kinh tế - xã hội và tự nhiên của từng vùng như: dân số theo vùng lãnh thổ, các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội do cơ quan có thẩm quyền thống báo đối với từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, từng địa phương và đơn vị.

Các luật, pháp lệnh thuế, chế độ thu; định mức phân bổ ngân sách; chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cấp có thẩm quyền quy định; trường hợp cần sửa đổi, bổ sung các văn bản này thì phải được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và ban hành trước thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Trong đó:

Đối với thu ngân sách nhà nước, việc lập dự toán phải căn cứ vào mức tăng trưởng kinh tế, các chỉ tiêu liên quan và các quy định của pháp luật về thu ngân sách;

Đối với chi đầu tư phát triển, việc lập dự toán phải căn cứ vào những dự án đầu tư có đủ các điều kiện bố trí vốn theo quy định tại quy chế quản lý vốn đầu tư và xây dựng và phù hợp với khả năng ngân sách hàng năm, kế hoạch tài chính 5 năm; đồng thời ưu tiên bố trí đủ vốn phù hợp với tiến độ triển khai của các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đang thực hiện:

Đối với chi thường xuyên, việc lập dự toán phải tuân theo các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trong đó:

Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương; căn cứ định mức phân bổ chi ngân sách trung ương do Thủ tướng Chính phủ quyết định, ban hành định mức phân bổ chi ngân sách cho các đơn vị trực thuộc, bảo đảm đúng về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực.

Đối với các địa phương: hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ định mức phân bổ chi ngân sách địa phương do Thủ tướng Chính phủ quyết định, ban hành định mức phân bổ chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh và cấp dưới.

Đối với các đơn vị sử dụng ngân sách, việc lập dự toán căn cứ vào các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Đối với các cơ quan hành chính thực hiện chế độ khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính và các đơn vị sự nghiệp có thu, việc lập dự toán thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Đối với chi trả nợ, bảo đảm bố trí chi trả đủ các khoản nợ đến hạn (kể cả nợ gốc và trả lãi) theo đúng nghĩa vụ trả nợ.

Đối với vay bù đắp thiếu hụt ngân sách nhà nước, việc lập dự toán phải căn cứ vào cân đối ngân sách, khả năng từng nguồn vay, khả năng trả nợ và mức bội chi ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Những quy định về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, phân cấp quản lý ngân sách.

Đối với dự toán ngân sách chính quyền địa phương các cấp, việc lập dự toán trong kỳ ổn định ngân sách căn cứ vào tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và mức bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên đã được giao; đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, căn cứ vào chế độ phân cấp ngân sách và dự toán thu, chi ngân sách của từng địa phương.

Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau; Thông tư hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về lập dự toán ngân sách ở các cấp ở địa phương.

Số kiểm tra về dự toán ngân sách do cơ quan có thẩm quyền thông báo

Tình hình thực tế dự toán ngân sách một số năm trước và một số năm gần kề.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn

3.1. Các doanh nghiệp căn cứ vào kế hoạch sản xuất – kinh doanh của đơn vị, các luật, pháp lệnh về thuế và các chế độ thu ngân sách, dự kiến số thuế và các khoản phải nộp ngân sách, dự kiến số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo

chế độ; gửi cơ quan thuế, cơ quan hải quan và cơ quan được Nhà nước giao nhiệm vụ thu ngân sách.

3.2. Cơ quan thuế ở địa phương lập dự toán thu ngân sách nhà nước (thu nội địa) trên địa bàn và cơ sở tính toán từng nguồn thu, dự kiến số thuế giá trị gia tăng phải hoàn theo chế độ cho các doanh nghiệp trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan thuế cấp trên, Ủy ban nhân dân, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cơ quan cùng cấp/

3.3. Tổng cục Thuế xem xét dự toán thu, dự kiến số thuế giá trị gia tăng phải hoàn theo chế độ do cơ quan thuế trực thuộc lập, tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước và cơ sở tính toán từng nguồn thu, tổng hợp dự kiến số thuế giá trị gia tăng phải hoàn cho các doanh nghiệp trong cả nước báo cáo Bộ tài chính trước ngày 20 tháng 7 năm trước.

3.4. Cục Hải quan các tỉnh lập dự toán thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng hàng xuất khẩu, các khoản thu khác liên quan đến hoạt động xuất, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý gửi Tổng cục Hải quan, ủy ban nhân dân tỉnh, Đồng gửi Sở tài chính – vật giá, sở kế hoạch và đầu tư

3.5. Tổng cục Hải quan xem xét dự toán thu do các cơ quan hải quan trực thuộc lập, tổng dự toán thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu và các khoản thu được phân công quản lý báo cáo Bộ tài chính trước ngày 20 tháng 7 năm trước.

3.6. Các đơn vị sử dụng ngân sách lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (trường hợp không phải là đơn vị dự toán cấp I) xem xét, tổng hợp dự toán của các đơn vị cấp dưới trực thuộc lập, gửi đơn vị dự toán cấp I.

3.7. Các tổ chức được ngân sách hỗ trợ lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao, gửi cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp.

3.8. Các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương (đơn vị dự toán cấp I) lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi trực tiếp quản lý, xem xét dự toán do các đơn vị trực thuộc lập; tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng

cấp, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia cùng cấp (phần dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia); phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp lập dự toán và phương án phân bổ ngân sách theo lĩnh vực của ngân sách cấp mình. Các đơn vị dự toán cấp I ở Trung ương gửi báo cáo trước ngày 20 tháng 7 năm trước. Thời gian gửi báo cáo của các đơn vị dự toán cấp I ở địa phương do ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định. Căn cứ vào đặc điểm của đơn vị và quy định về thời gian gửi dự toán ngân sách nêu trên, đơn vị dự toán cấp I quy định thời gian lập và gửi báo cáo đối với các đơn vị dự toán trực thuộc cho phù hợp.

Dự toán thu, chi ngân sách phải kèm theo bản thuyết minh chi tiết căn cứ tính toán từng khoản thu, chi

Các đơn vị dự toán cấp trên khi xem xét báo cáo dự toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc để tổng hợp, lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý cần yêu cầu các đơn vị trực thuộc sửa đổi lại dự toán trong các trường hợp: lập dự toán không đúng căn cứ về định mức, chế độ, quy mô và khối lượng nhiệm vụ được giao, vượt quá khả năng cân đối ngân sách, lập dự toán ngân sách không đúng biểu mẫu quy định, không đúng mục lục ngân sách nhà nước...

3.9. Lập dự toán ngân sách ngành, lĩnh vực

Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực ở Trung ương và địa phương phối hợp với cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp lập dự toán thu, chi ngân sách theo ngành, lĩnh vực phụ trách của ngân sách cấp mình. Cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo, về khoa học công nghệ ở trung ương và địa phương phối hợp với cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp lập dự toán thu, chi ngân sách theo lĩnh vực phụ trách trong phạm vi cả nước và từng địa phương. Các cơ quan nhà nước ở Trung ương gửi báo cáo cho Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 07 năm trước.

3.10. Tổ chức làm việc về dự toán ngân sách Nhà nước.

Sau khi thông báo số kiểm tra dự toán ngân sách, cơ quan tài chính các cấp tổ chức làm việc để thảo luận về dự toán ngân sách với cơ quan, đơn vị cùng cấp và UBND, cơ quan tài chính cấp dưới (đối với năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách); cơ quan, đơn vị cấp trên phải tổ chức làm việc để thảo luận về dự toán với các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc.

3.11. UBND các cấp:

a. Hướng dẫn, tổ chức và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chính quyền cấp dưới lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý, phối hợp và chỉ đạo cơ quan thuế, hải quan (nếu có) ở địa phương lập dự toán thu ngân sách nhà nước, dự kiến số phải hoàn thuế giá trị gia tăng theo chế độ cho các doanh nghiệp trên địa bàn.

b. Lập dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương; báo cáo Thường trực HĐND hoặc Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND (đối với cấp xã) xem xét trước khi báo cáo cơ quan hành chính Nhà nước cấp trên.

3.12. Cơ quan tài chính các cấp:

a. Đối với năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách, chủ trì phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư tổ chức làm việc với UBND cấp dưới trực tiếp, các cơ quan, đơn vị cùng cấp về dự toán ngân sách; có quyền yêu cầu bố trí lại những khoản thu, chi trong dự toán chưa đúng chế độ, tiêu chuẩn, chưa hợp lý, chưa tiết kiệm, chưa phù hợp với khả năng ngân sách và định hướng phát triển kinh tế-xã hội. Đối với các năm tiếp theo của thời kỳ ổn định, chỉ làm việc khi UBND cấp dưới có đề nghị.

Trong quá trình làm việc, lập dự toán ngân sách và xây dựng phương án phân bổ ngân sách, nếu còn có ý kiến khác nhau giữa cơ quan tài chính với các cơ quan cùng cấp và chính quyền cấp dưới, cơ quan tài chính ở địa phương phải báo cáo UBND cùng cấp quyết định. Bộ Tài chính phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

b. Chủ trì phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư và các cơ quan liên quan cùng cấp trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách theo lĩnh vực ở cấp mình. đối với lĩnh vực giáo dục-đào tạo và khoa học công nghệ, tổng hợp, lập dự toán theo lĩnh vực ở địa phương và trong phạm vi cả nước.

c. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách của cấp mình.

d. Phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp trong việc lập dự toán chi đầu tư phát triển và phương án phân bổ ngân sách đối với một số lĩnh vực chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp mình theo quy định.

đ. Tổng hợp dự toán và phương án phân bổ dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia (phần chi thường xuyên) do cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia lập.

e. Đề xuất các phương án cân đối ngân sách và các biện pháp nhằm thực hiện chính sách tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách.

3.13. Cơ quan kế hoạch và đầu tư các cấp:

a. Bộ Kế hoạch và đầu tư trình Chính phủ dự án kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của cả nước và các cân đối chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, trong đó có cân đối tài chính, tiền tệ, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch tài chính, ngân sách.

b. Cơ quan kế hoạch và đầu tư phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách cấp mình; chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp lập dự toán chi đầu tư phát triển, lập phương án phân bổ chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi bổ sung dự trữ nhà nước, chi hỗ trợ tín dụng nhà nước và chi góp vốn cổ phần, liên doanh theo chế độ quy định; ở Trung ương gửi Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 9 năm trước để tổng hợp lập dự toán ngân sách Nhà nước và phương án phân bổ ngân sách Trung ương trình Chính phủ theo quy định.

c. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp dự toán và phương án phân bổ chi chương trình mục tiêu quốc gia (phần chi đầu tư xây dựng cơ bản) do cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia lập và tổng hợp chung dự toán, phương án phân bổ chi chương trình mục tiêu quốc gia gửi Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 9 năm trước.

3.1.4. Các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương:

a. Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xây dựng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách theo quy định.

b. Các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư lập dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia; xây dựng phương án phân bổ chi chương trình mục tiêu quốc gia cho các đơn vị, địa phương gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp vào dự toán ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách trình cấp có thẩm quyền quyết định; ở Trung ương gửi Bộ Tài chính, Giáo trình Quản lý ngân sách

Bộ Kế hoạch và đầu tư trước ngày 30 tháng 7 năm trước để tổng hợp lập dự toán ngân sách Nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Chính phủ. Trường hợp ý kiến của cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia chưa thống nhất với ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và đầu tư thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Biểu mẫu và phương pháp lập dự toán ngân sách nhà nước:

4.1. Biểu mẫu:

Biểu mẫu thuộc phụ lục trong Thông tư số 59/2003/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước. Biểu mẫu được lập cho:

- Các doanh nghiệp đăng ký nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan được giao nhiệm vụ thu ngân sách Nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước lập kế hoạch thu, chi tài chính của đơn vị theo biểu mẫu quy định của cơ quan thu, cơ quan tài chính.

- Các cơ quan thu lập dự toán thu.

Biểu số 01: Tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước năm...

(Dùng cho cơ quan Thuế các cấp báo cáo: Cơ quan thuế cấp trên; UBND, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 02: Tổng hợp dự toán thu cân đối NSNN theo sắc thuế năm...

(Dùng cho cơ quan Thuế các cấp báo cáo: Cơ quan thuế cấp trên; UBND, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 03: Tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước năm...

(Dùng cho cơ quan Hải quan các cấp báo cáo: Cơ quan hải quan cấp trên; UBND, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 04: Tổng hợp các khoản thu lãi, nợ gốc, thu bán các cổ phiếu của Nhà nước năm...

(Dùng cho các cơ quan Kho bạc Nhà nước, Vụ Tài chính đối ngoại, Cục Tài chính doanh nghiệp báo cáo Bộ Tài chính)

Biểu số 05: Tổng hợp dự toán thu, chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại và vốn đối ứng năm...

(Dùng cho cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư các cấp báo cáo UBND cùng cấp và báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cấp trên)

Biểu số 06: Tổng hợp dự toán thu, chi từ nguồn vay nợ nước ngoài và vốn đối ứng năm...

(Dùng cho cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư các cấp báo cáo UBND cùng cấp và báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cấp trên)

Biểu số 07: Dự kiến số thuế giá trị gia tăng phải hoàn cho các doanh nghiệp năm

(Dùng cho cơ quan Thuế các cấp báo cáo: Cơ quan thuế cấp trên; UBND, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

- Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách.

Biểu số 01: Tổng hợp dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên tổng hợp dự toán của đơn vị sử dụng ngân sách; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 02: Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên tổng hợp dự toán của đơn vị sử dụng ngân sách; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 03: Tổng hợp dự toán chi ngân sách nhà nước năm...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 04: Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...

(Dùng cho các đơn vị hành chính có thu, kể cả các đơn vị thuộc khối Đảng, Đoàn thể, Hội được ngân sách các cấp hỗ trợ kinh phí báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 05: Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...

(Dùng cho các đơn vị sự nghiệp thực hiện theo Nghị định 10/2002/NĐ-CP ngày 16/01/2002 của Chính phủ báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 06: Tổng hợp dự toán thu, chi từ nguồn vay nợ nước ngoài và vốn đối ứng năm...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 07: Tổng hợp dự toán thu, chi từ nguồn viện trợ và vốn đối ứng năm...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 08: Dự toán chi bằng ngoại tệ năm...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách thuộc ngân sách Trung ương báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và đầu tư)

Biểu số 09: Dự toán chi đầu tư năm...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 10: Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng năm...

(Dùng cho các cơ quan quản lý chương trình quốc gia, dự án để báo cáo Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT)

Biểu số 11: Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng năm...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia cùng cấp)

Biểu số 12: Cơ sở tính chi sự nghiệp kinh tế năm...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 13: Cơ sở tính chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học năm...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 14: Thuyết minh chi các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học năm...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 15: Cơ sở tính chi sự nghiệp y tế năm...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 16: Cơ sở tính chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề năm...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 17: Cơ sở tính chi bổ sung dự trữ nhà nước năm...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách ở Trung ương báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và đầu tư)

Biểu số 18: Cơ sở tính chi tài trợ cho các nhà xuất bản năm...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 19: Cơ sở tính chi trợ giá giữ đàn giống gốc năm...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 20: Cơ sở tính chi quản lý nhà nước năm...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 21: Tổng hợp biên chế - tiền lương

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Biểu số 22: Dự kiến kế hoạch cấp bù chênh lệch lãi suất năm...

(Dùng cho các đơn vị được giao nhiệm vụ huy động vốn để cho vay ưu đãi theo quyết định của Chính phủ để báo cáo: Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT)

- Cơ quan bảo hiểm xã hội.

Biểu số 01: Dự toán thu Quỹ bảo hiểm xã hội năm

(Dùng cho cơ quan Bảo hiểm xã hội các cấp báo cáo cơ quan BHXH cấp trên để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT)

Biểu số 02: Dự toán chi Quỹ bảo hiểm xã hội năm

(Dùng cho cơ quan Bảo hiểm xã hội các cấp báo cáo cơ quan BHXH cấp trên để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT)

Biểu số 03: Biểu cân đối thu chi Quỹ bảo hiểm xã hội năm

(Dùng cho cơ quan Bảo hiểm xã hội các cấp báo cáo cơ quan BHXH cấp trên để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT)

Biểu số 04: Dự toán chi đầu tư XDCB của hệ thống bảo hiểm xã hội Việt Nam năm

(Dùng cho cơ quan Bảo hiểm xã hội các cấp báo cáo cơ quan BHXH cấp trên để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT)

Biểu số 05: Dự toán chi từ NSNN cho các đối tượng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trước ngày 1/10/1995 năm

(Dùng cho cơ quan Bảo hiểm xã hội các cấp báo cáo cơ quan BHXH cấp trên để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT)

Biểu số 06: Dự toán chi quỹ bảo hiểm xã hội cho các đối tượng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội sau ngày 1/10/1995 năm

(Dùng cho cơ quan Bảo hiểm xã hội các cấp báo cáo cơ quan BHXH cấp trên để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT)

- Cơ quan lao động – TB và XH.

Biểu số 01: Dự toán chi trợ cấp xã hội năm

(Dùng cho các cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp để báo cáo: Cơ quan quản lý cấp trên; cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

- Cơ quan kế hoạch và đầu tư.

Biểu số 01: Tổng hợp dự toán chi đầu tư XD CB tập trung năm

(Dùng cho cơ quan Kế hoạch và Đầu tư các cấp để báo cáo cơ quan kế hoạch và đầu tư cấp trên và cơ quan tài chính cùng cấp)

Biểu số 02: Dự toán chi đầu tư XD CB các dự án, công trình nhóm A, B từ NSNN năm.....

(Dùng cho cơ quan Kế hoạch và Đầu tư các cấp để báo cáo cơ quan kế hoạch và đầu tư cấp trên và cơ quan tài chính cùng cấp)

Biểu số 03: Dự toán chi XD CB từ nguồn vốn ngoài nước năm

(Dùng cho cơ quan Kế hoạch và Đầu tư các cấp để báo cáo cơ quan kế hoạch và đầu tư cấp trên và cơ quan tài chính cùng cấp)

Biểu số 04: Tổng hợp chi đầu tư XD CB (phân theo cơ cấu vốn đầu tư) năm

(Dùng cho cơ quan Kế hoạch và Đầu tư các cấp để báo cáo cơ quan kế hoạch và đầu tư cấp trên và cơ quan tài chính cùng cấp)

Biểu số 05: Đầu tư XD CB các Dự án, công trình quan trọng quốc gia (do Quốc hội quyết định) từ NSNN năm

(Dùng cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Chính phủ và gửi Bộ Tài chính)

- UBND và cơ quan tài chính địa phương.

Biểu số 01: Một số chỉ tiêu cơ bản năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính).

Biểu số 02: Cân đối ngân sách địa phương năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính).

Biểu số 03: Cân đối ngân sách cấp tỉnh năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp).

Biểu số 04: Cân đối ngân sách huyện năm (Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp và báo cáo Sở TC - VG).

Biểu số 05: Cân đối ngân sách cấp huyện năm (Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp).

Biểu số 06: Biểu tổng hợp dự toán thu NSNN năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính).

Biểu số 07: Đánh giá thực hiện thu ngân sách theo sắc thuế năm hiện hành và dự toán năm..... (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính).

Biểu số 08: Biểu tổng hợp dự toán thu NSNN năm (Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp và báo cáo Sở TC-VG).

Biểu số 09: Đánh giá thực hiện thu ngân sách theo sắc thuế năm hiện hành và dự toán năm..... (dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp và báo cáo Sở TC - VG).

Biểu số 10: Biểu tổng hợp dự toán chi NSDP năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính).

Biểu số 11: Biểu tổng hợp dự toán chi NS huyện năm (Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp và báo cáo Sở Tài chính - Vật giá).

Biểu số 12: Đánh giá chi đầu tư XD CB các dự án, công trình thuộc nguồn vốn ngân sách đầu tư năm hiện hành và dự toán năm (Dùng cho UBND cấp tỉnh, cấp huyện trình HĐND cùng cấp và báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên).

Biểu số 13: Kế hoạch huy động đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật NSNN năm..... (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính).

Biểu số 14: Đánh giá tình hình thực hiện chỉ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, một số mục tiêu nhiệm vụ khác năm hiện hành và dự toán năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính).

Biểu số 15: Đánh giá tình hình thực hiện chỉ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, một số mục tiêu nhiệm vụ khác năm hiện hành và dự toán năm (Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp và báo cáo

Biểu số 16: Tổng hợp dự toán chi trợ giá, trợ cước vận chuyển các mặt hàng chính sách miền núi năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính).

Biểu số 17: Cơ sở tính chi sự nghiệp giáo dục năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính).

Biểu số 18: Cơ sở tính chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính).

Biểu số 19 Cơ sở tính chi sự nghiệp Y tế năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính).

Biểu số 20: Cơ sở tính chi quản lý hành chính năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính).

Biểu số 21: Tổng hợp biên chế - tiền lương năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính).

Biểu số 22: Tổng hợp dự toán các khoản phí và lệ phí năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính).

Biểu số 23: Đánh giá tình hình thực hiện chi NSDP năm hiện hành và dự toán năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính).

Biểu số 24: Đánh giá thực hiện chi ngân sách huyện năm hiện hành và dự toán năm (Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp và báo cáo Sở TC - VG).

Biểu số 25: Đánh giá thực hiện thu, chi ngân sách từng quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh năm hiện hành và dự toán năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp).

Biểu số 26: Đánh giá thực hiện thu, chi ngân sách từng xã, phường, thị trấn năm hiện hành và dự toán năm (Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp).

Biểu số 27: Đánh giá thực hiện chi ngân sách theo một số lĩnh vực của từng quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh năm hiện hành và dự toán năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp)

Biểu số 28: Đánh giá thực hiện chi ngân sách theo một số lĩnh vực của từng xã, phường, thị trấn năm hiện hành và dự toán năm (Dùng cho

UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp)

Biểu số 29 Đánh giá thực hiện chi ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan đơn vị theo từng lĩnh vực năm hiện hành và dự toán năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp).

Biểu số 30: Đánh giá thực hiện chi ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan đơn vị theo từng lĩnh vực năm hiện hành và dự toán năm (Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp).

Biểu số 31: Số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách từng quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp).

Biểu số 32: Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho ngân sách cấp huyện năm..... (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp).

Biểu số 33: Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho ngân sách từng xã, phường, thị trấn năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp).

Biểu số 34: Số bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách từng xã, phường, thị trấn thuộc huyện năm (Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp).

Biểu số 35: Quyết toán ngân sách địa phương năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính).

Biểu số 36: Quyết toán ngân sách huyện năm (Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp và báo cáo Sở TC-VG). Biểu số 36:

Biểu số 37: Quyết toán ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp).

Biểu số 38: Quyết toán NS cấp huyện và NS xã năm (Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp).

Biểu số 39: Quyết toán thu ngân sách theo sắc thuế năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính)

Biểu số 40: Quyết toán thu ngân sách theo sắc thuế năm (Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp và báo cáo Sở TC-VG).

Biểu số 41: Quyết toán chi ngân sách địa phương năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính).

Biểu số 42: Quyết toán chi ngân sách huyện năm (Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp và báo cáo Sở TC - VG).

Biểu số 43: Quyết toán chi NSDP, chi NS cấp tỉnh, NS huyện năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính).

Biểu số 44: Quyết toán chi NS huyện, chi NS cấp huyện, NS xã năm (Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp và báo cáo Sở TC - VG).

Biểu số 45: Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, một số mục tiêu nhiệm vụ khác năm..... (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính).

Biểu số 46: Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, một số mục tiêu nhiệm vụ khác năm (Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp và báo cáo Sở TC-VG).

Biểu số 47: Quyết toán chi ngân sách theo một số lĩnh vực của từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp).

Biểu số 48: Quyết toán chi ngân sách theo một số lĩnh vực của từng xã, phường, thị trấn năm.... (Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp và báo cáo Sở TC - VG).

Biểu số 49: Quyết toán chi NS cấp tỉnh cho từng cơ quan, đơn vị theo từng lĩnh vực năm.... (Dùng cho HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp).

Biểu số 50: Quyết toán chi NS cấp huyện cho từng cơ quan, đơn vị theo từng lĩnh vực năm..... (Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp).

Biểu số 51: Quyết toán chi bổ sung từ NS cấp tỉnh cho NS từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp).

Biểu số 52: Quyết toán chi bổ sung từ NS cấp huyện cho NS từng xã, phường, thị trấn năm..... (Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp).

Biểu số 53: Quyết toán chi đầu tư XDCB các dự án, công trình thuộc nguồn vốn ngân sách đầu tư năm..... (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính).

Biểu số 54: Quyết toán huy động đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật NSNN năm..... (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính).

- Bộ Tài chính.

Biểu số 01: Cân đối ngân sách nhà nước năm
(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ)

Biểu số 02: Cân đối nguồn thu chi dự toán NSTW và NSDP năm
(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ)

Biểu số 03: Dự kiến các khoản nợ của nhà nước năm
(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ)

Biểu số 04: Tổng hợp dự toán thu theo sắc thuế năm
(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ)

Biểu số 05: Tổng hợp dự toán chi NSNN, NSTW và NSDP năm
(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ)

Biểu số 06: Các khoản thu để lại cho đơn vị chi, quản lý qua ngân sách nhà nước năm

(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ)

Biểu số 07: Dự toán rút vốn vay nước ngoài về cho vay lại của Chính phủ năm

(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ)

Biểu số 08: Dự toán thu NSNN từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm

(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ)

Biểu số 09: Dự toán chi ngân sách Trung ương theo lĩnh vực năm

(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ)

Biểu số 10: Dự toán chi ngân sách Trung ương cho từng Bộ, cơ quan Trung ương theo từng lĩnh vực năm

(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ)

Biểu số 11: Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng năm

(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ)

Biểu số 12: Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng của các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương năm

(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ)

Biểu số 13: Dự toán chi ngân sách địa phương theo một số lĩnh vực cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm

(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ)

Biểu số 14: Dự toán thu, chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia, số bổ sung cân đối từ NSTW cho NSDP năm

(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ)

Biểu số 15: Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng và một số nhiệm vụ, mục tiêu khác cho ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm

(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ)

4.2. Phương pháp lập dự toán ngân sách Nhà nước

a. Phương pháp lập:

Khuôn khổ kinh tế vĩ mô là điểm khởi đầu của việc lập dự toán ngân sách. Việc lập ngân sách trong khuôn khổ kinh tế vĩ mô, dựa trên các giả định thực tế, không tính quá cao các chỉ tiêu về thu ngân sách, ngược lại không tính quá thấp các khoản chi tiêu bắt buộc là hết sức quan trọng để đảm bảo tính khả thi của kế hoạch ngân sách .

Lập ngân sách hàng năm thường được tổ chức như sau:

Cách tiếp cận từ trên xuống dưới, bao gồm:

Xác định tổng các nguồn lực có sẵn cho chi tiêu công cộng trong khuôn khổ kinh tế vĩ mô.

Chuẩn bị thông tư hướng dẫn lập ngân sách. Hình thành số kiểm tra về thu, chi cho các Bộ, các địa phương, đơn vị phù hợp chính sách ưu tiên của Nhà nước ...

Thông báo số kiểm tra cho các bộ, địa phương, đơn vị.

Cách tiếp cận từ dưới lên bao gồm:

Các bộ, địa phương, đơn vị đề xuất ngân sách của mình trên cơ sở hướng dẫn trên.

Trao đổi, đàm phán, thương lượng:

Đàm phán ngân sách giữa các Bộ, đơn vị với cơ quan tài chính là quá trình rất quan trọng để xác định dự toán ngân sách cuối cùng trình lên cơ quan lập pháp trên cơ sở đạt được sự nhất quán giữa mục tiêu và nguồn lực sẵn có.